

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2014/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 22 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lào Cai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 09/6/2000;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/6/2009;

Căn cứ Luật Thi đua khen thưởng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua khen thưởng ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ sáng kiến;

Căn cứ Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 73/TTr-SKHHCN ngày 12/12/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Lào Cai căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ các Quyết định: Quyết định số 09/2009/QĐ-UBND ngày 20/5/2009 của UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quy định về hoạt động sáng kiến của cá nhân, tổ chức sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Quyết định số 12/2009/QĐ-UBND ngày 28/5/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định về công nhận sáng kiến trong công tác Đảng, quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thể trên địa bàn tỉnh Lào Cai./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Doãn Văn Hưởng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lào Cai

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 22/01/2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết về sáng kiến và các điều kiện, thủ tục công nhận sáng kiến; thẩm quyền và trình tự xét, công nhận sáng kiến; quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến; nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu; quyền của tác giả sáng kiến; các biện pháp quản lý và hỗ trợ hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể; các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Theo quy định tại Điều 2 của Nghị định 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ sáng kiến, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Hoạt động sáng kiến” bao gồm các hoạt động tạo ra, áp dụng sáng kiến, công nhận sáng kiến, thực hiện quyền và nghĩa vụ liên quan đến sáng kiến.

2. “Chuyển giao sáng kiến” là việc truyền đạt toàn bộ kiến thức, thông tin về sáng kiến để người được chuyển giao có thể áp dụng sáng kiến.

3. “Áp dụng sáng kiến lần đầu” là việc áp dụng sáng kiến lần đầu tiên, kể cả áp dụng thử.

4. “Cơ sở” là cơ quan, tổ chức được thành lập theo pháp luật, có thể nhân danh chính mình tham gia quan hệ pháp luật dân sự một cách độc lập.

5. “Tác giả sáng kiến” là người trực tiếp tạo ra sáng kiến bằng chính lao động sáng tạo của mình. Đồng tác giả sáng kiến là những tác giả cùng nhau tạo ra sáng kiến chung.

6. “Chủ đầu tư tạo ra sáng kiến” là cơ quan, tổ chức, cá nhân đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật dưới hình thức giao việc, thuê việc hoặc các hình thức khác cho tác giả để tạo ra sáng kiến.

Tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến nếu không có cơ quan, tổ chức, cá nhân nào giao việc, thuê việc hoặc đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật cho tác giả để tạo ra sáng kiến đó.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 3. Các điều kiện công nhận sáng kiến

1. Sáng kiến được cơ sở công nhận nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

a) Có tính mới trong phạm vi cơ sở đó: Nghĩa là giải pháp lần đầu tiên được tạo ra hoặc cải tiến, được áp dụng trong phạm vi cơ sở (đối với sáng kiến cấp cơ sở) và trong phạm vi toàn tỉnh (đối với sáng kiến cấp tỉnh) và đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định 13/2012/NĐ-CP;

b) Đã được áp dụng hoặc áp dụng thử tại cơ sở đó và có khả năng mang lại lợi ích thiết thực: Giải pháp được coi là sáng kiến nếu giải pháp đó đã được áp dụng hoặc áp dụng thử nghiệm, sản xuất thử và được chứng minh là mang lại hiệu quả thiết thực, mang lại lợi ích kinh tế hoặc xã hội cao hơn so với giải pháp tương tự đã biết trong phạm vi cơ sở hoặc trong phạm vi toàn tỉnh; không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và xã hội; trật tự, an ninh, quốc phòng và đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định 13/2012/NĐ-CP;

c) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các đối tượng sau đây không được công nhận là sáng kiến:

a) Giải pháp mà việc công bố, áp dụng giải pháp trái với trật tự công cộng hoặc đạo đức xã hội.

b) Giải pháp là đối tượng đang được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét công nhận sáng kiến.

Điều 4. Nội dung sáng kiến

1. Giải pháp kỹ thuật là cách thức kỹ thuật, phương tiện kỹ thuật nhằm giải quyết một nhiệm vụ (một vấn đề) xác định, bao gồm:

a) Sản phẩm, dưới các dạng:

- Vật thể: Dụng cụ, máy móc, thiết bị, linh kiện, công cụ lao động, sản phẩm, kết cấu công trình...;

- Chất: Vật liệu, chất liệu, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm...;

- Vật liệu sinh học: Chủng vi sinh, chế phẩm sinh học, gen, thực vật, động vật biến đổi gen...;

- Giống cây trồng, giống vật nuôi.

b) Quy trình (ví dụ: quy trình công nghệ; quy trình chẩn đoán, dự báo, kiểm tra, xử lý, kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt; quy trình chẩn đoán, chữa bệnh cho người, động vật và thực vật...).

2. Giải pháp quản lý là cách thức tổ chức, điều hành công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

a) Phương pháp tổ chức công việc (ví dụ: bố trí nhân lực, máy móc, thiết bị, dụng cụ, nguyên liệu, vật liệu, kinh doanh: sản xuất, thương mại, dịch vụ...).

b) Phương pháp điều hành, kiểm tra, giám sát công việc, như:

- Giải pháp trong việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc cụ thể hóa chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và Đoàn thể vào hoạt động thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc toàn tỉnh được cấp thẩm quyền quyết định đưa vào thực hiện, được đánh giá là mang lại hiệu quả, lợi ích thiết thực sau khi triển khai thực hiện.

- Giải pháp, biện pháp quản lý tài sản, tài chính công, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Giải pháp, biện pháp bảo tồn phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, các làng nghề truyền thống, xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, xây dựng nông thôn mới.

- Giải pháp trong tổ chức các phong trào thi đua, các cuộc vận động để triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị của địa phương.

3. Giải pháp tác nghiệp, bao gồm các phương pháp thực hiện các thao tác kỹ thuật, nghiệp vụ trong công việc thuộc bất kỳ lĩnh vực hoạt động nào, trong đó có:

a) Phương pháp thực hiện các thủ tục hành chính (ví dụ: tiếp nhận, xử lý hồ sơ, đơn thư, tài liệu, xây dựng quy trình, hồ sơ giải quyết công vụ).

b) Phương pháp thẩm định, giám định, tư vấn, đánh giá.

c) Phương pháp tuyên truyền, đào tạo, giảng dạy, huấn luyện.

d) Phương pháp huấn luyện động vật.

4. Giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật là phương pháp, cách thức hoặc biện pháp áp dụng một giải pháp kỹ thuật đã biết vào thực tiễn.

Điều 5. Sáng kiến cấp cơ sở, cấp tỉnh và điều kiện công nhận tác giả sáng kiến và đồng tác giả sáng kiến

1. “Sáng kiến cấp cơ sở” là sáng kiến đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 3 của Quy định này trong phạm vi huyện, thành phố, sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, các tổ chức và doanh nghiệp.

2. “Sáng kiến cấp tỉnh” là sáng kiến đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 3 của Quy định này trong phạm vi toàn tỉnh và được công nhận ở cấp cơ sở.

3. Người được công nhận là tác giả sáng kiến là người trực tiếp tạo ra toàn bộ sáng kiến.

Trong trường hợp sáng kiến do nhiều người tạo ra, người được công nhận là tác giả sáng kiến phải có tỷ lệ đóng góp trí tuệ nhiều nhất cho việc tạo ra sáng kiến.

4. Người được công nhận là đồng tác giả sáng kiến là người cùng với người khác trực tiếp tạo ra sáng kiến.

a) Sáng kiến cấp tỉnh chỉ công nhận một tác giả sáng kiến hoặc không quá hai đồng tác giả sáng kiến là những người đóng góp trí tuệ với tỷ lệ tương đương hoặc gần bằng với tỷ lệ đóng góp của tác giả sáng kiến. Những người tham gia tạo ra sáng kiến với tỷ lệ thấp hơn tác giả và đồng tác giả chỉ được coi là “người tham gia hỗ trợ tạo ra sáng kiến”.

b) Sáng kiến cấp cơ sở chỉ công nhận một tác giả sáng kiến. Riêng đối với những sáng kiến có đủ điều kiện đề nghị công nhận sáng kiến cấp tỉnh mà có hai đồng tác giả cùng đóng góp trí tuệ với tỷ lệ tương đương hoặc gần bằng với tỷ lệ đóng góp của tác giả sáng kiến thì sáng kiến đó ở cấp cơ sở có hai người được công nhận là đồng tác giả sáng kiến.

Điều 6. Các trường hợp được đặc cách công nhận sáng kiến cấp tỉnh

1. Các trường hợp được đặc cách công nhận sáng kiến cấp tỉnh phải đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Giải pháp là đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng khoa học cấp tỉnh, bộ, ngành, Trung ương được nghiệm thu, đánh giá đạt trở lên.

b) Giải pháp đạt giải Nhất trong các Hội thi sáng tạo kỹ thuật ở cấp tỉnh và ở Trung ương; Cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng toàn quốc và trong các cuộc thi về chuyên môn trong toàn tỉnh.

c) Giải pháp đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong các cuộc thi toàn quốc do các bộ, ngành ở Trung ương tổ chức.

d) Giải pháp là đề tài bảo vệ luận án Tiến sĩ được triển khai nghiên cứu, thực hiện tại tỉnh đã được nghiệm thu, đánh giá ở mức đạt trở lên.

e) Bằng lao động sáng tạo do Tổng Liên đoàn Lao động cấp.

2. Các trường hợp được đặc cách công nhận sáng kiến cấp tỉnh không phải thông qua họp Hội đồng sáng kiến tỉnh (Thường trực Hội đồng báo cáo các trường hợp đặc cách trong kỳ họp Hội đồng).

Chương III HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN

Điều 7. Hội đồng sáng kiến

1. Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh:

Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định thành lập:

a) Thành viên hoạt động ổn định: 7 thành viên gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và 5 ủy viên Hội đồng, cụ thể:

- Chủ tịch Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh là Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh là Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;
- Các ủy viên gồm: Sở Nội vụ (Ban Thi đua khen thưởng); Liên đoàn Lao động tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Lào Cai.

b) Thành viên chuyên ngành: Tùy từng lĩnh vực áp dụng của sáng kiến được xét duyệt, cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh quyết định mời chuyên gia, nhà khoa học có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu sâu về lĩnh vực sáng kiến đề nghị công nhận là thành viên chính thức của Hội đồng (không quá 04 thành viên); đối với sáng kiến cải tiến kỹ thuật Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh quyết định phân công 02 thành viên chuyên ngành làm thành viên phản biện.

c) Cá nhân đăng ký tác giả sáng kiến và những người tham gia tạo ra sáng kiến thì không được tham gia là thành viên chuyên ngành của Hội đồng.

d) Tổ thư ký giúp việc Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh gồm:

- Thư ký Hội đồng: Một chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh và hai chuyên viên Sở Khoa học và Công nghệ.

- Thư ký hành chính: Hai chuyên viên Sở Khoa học và Công nghệ.

đ) Cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến tỉnh là Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở:

a) Thủ trưởng các cơ quan Đảng; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể, các tổ chức, doanh nghiệp quyết định thành lập Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở để xét duyệt, công nhận sáng kiến trong phạm vi cơ quan, đơn vị mình phụ trách.

b) Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở là cơ quan (hoặc bộ phận) Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng cùng cấp.

c) Thành phần, số lượng thành viên Hội đồng:

- Số lượng thành viên Hội đồng do người có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng quyết định.

- Thành phần Hội đồng sáng kiến gồm có Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng, Ủy viên thư ký, các chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đại diện của tổ chức Công đoàn nơi tác giả là công đoàn viên (nếu có) và các thành phần khác theo quyết định của người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến.

d) Cá nhân đăng ký tác giả sáng kiến và những người tham gia tạo ra sáng kiến

thì không được tham gia là thành viên chuyên ngành của Hội đồng.

đ) Trường hợp sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí phương tiện vật chất - kỹ thuật và người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến chính là tác giả sáng kiến, thì người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến không được là thành viên của Hội đồng sáng kiến.

Điều 8. Nhiệm vụ của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh và cấp cơ sở

1. Hội đồng sáng kiến có nhiệm vụ tổ chức đánh giá một cách khách quan, trung thực giải pháp được yêu cầu công nhận sáng kiến theo các điều kiện quy định tại Điều 4 và Điều 5 Quy định này và lập báo cáo đánh giá, trong đó phản ánh đầy đủ ý kiến của các thành viên, kết quả biểu quyết của Hội đồng.

2. Giúp Chủ tịch UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan Đảng; Chủ tịch UBND huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, các tổ chức, doanh nghiệp tập hợp, xem xét, kiểm tra và thẩm định hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến hoặc làm các thủ tục cho rút đơn yêu cầu công nhận sáng kiến khi người đã nộp đơn có yêu cầu.

3. Tổ chức xét duyệt, hoàn tất thủ tục hợp xét sáng kiến và thẩm tra, xác minh sáng kiến.

4. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về giữ bí mật, công bố thông tin có liên quan đến sáng kiến là đối tượng được xét duyệt, công nhận.

Điều 9. Nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng, Tổ thư ký và Tổ thẩm định sáng kiến cấp tỉnh và cấp cơ sở

1. Các thành viên Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng: Phụ trách chung, chủ trì điều hành và kết luận nội dung của các phiên họp, chỉ đạo giải quyết các công việc của Hội đồng, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan Đảng; Chủ tịch UBND huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, các tổ chức, doanh nghiệp về mọi hoạt động của Hội đồng.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng:

- Giúp Chủ tịch Hội đồng triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng, đôn đốc kiểm tra thực hiện. Thay mặt Chủ tịch Hội đồng chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng khi Chủ tịch Hội đồng đi vắng hoặc uỷ quyền.

- Chỉ đạo công tác chuẩn bị nội dung, chương trình họp; sao gửi Hồ sơ sáng kiến kèm theo công văn trung cầu ý kiến bằng văn bản gửi các thành viên Hội đồng và các chuyên gia phản biện (nếu có); tổng hợp và hoàn tất thủ tục hồ sơ sáng kiến trước khi trình Hội đồng sáng kiến tỉnh họp xét.

c) Ủy viên Hội đồng: Làm việc theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng; có trách nhiệm đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác họp xét sáng kiến; nghiên cứu các hồ sơ, tài liệu liên quan và tham gia ý kiến cho từng nội dung

cụ thể. Các ý kiến đánh giá phải thể hiện bằng văn bản, có ý kiến nhận xét của các thành viên Hội đồng được lưu trong hồ sơ từng sáng kiến.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ thư ký Hội đồng:

a) Ghi biên bản nội dung của từng cuộc họp Hội đồng, tổng hợp và dự thảo thông báo kết quả cuộc họp đảm bảo chính xác, kịp thời.

b) Thư ký hành chính:

- Chuẩn bị nội dung, chương trình và tài liệu cần thiết phục vụ cho các kỳ họp của Hội đồng theo chỉ đạo của Phó Chủ tịch Hội đồng.

- Gửi tài liệu cho các thành viên Hội đồng cấp tỉnh trước ngày họp ít nhất 14 ngày làm việc, cấp cơ sở 07 ngày đối với các cuộc họp định kỳ; trước 01 ngày đối với cuộc họp đột xuất để các thành viên Hội đồng biết và chuẩn bị tài liệu họp xét.

3. Nhiệm vụ Tổ thẩm định sáng kiến

a) Tổng hợp, phân loại sáng kiến.

b) Nghiên cứu, thẩm định sơ bộ sáng kiến đề nghị công nhận phục vụ các kỳ họp của Hội đồng.

Điều 10. Nhiệm vụ của cơ quan Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ)

1. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thủ tục đề nghị công nhận sáng kiến cấp tỉnh.

2. Thực hiện các thủ tục tiếp nhận, phân loại, tổng hợp, rà soát và thẩm định sơ bộ hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến, thông tin áp dụng sáng kiến, theo dõi quản lý hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

3. Sao gửi hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến gửi các thành viên Hội đồng nghiên cứu cho ý kiến nhận xét, đánh giá trước khi họp Hội đồng.

4. Mời một số thành viên chuyên ngành có thể là nhà khoa học, nhà quản lý, chuyên gia,... có trình độ chuyên môn phù hợp tham gia Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh nếu thấy cần thiết để tư vấn về mặt chuyên môn cho Hội đồng sáng kiến trên các lĩnh vực.

5. Chuẩn bị đầy đủ nội dung, chương trình cuộc họp, tổng hợp ý kiến nhận xét của các thành viên Hội đồng trình Chủ tịch Hội đồng sáng kiến tỉnh quyết định chương trình, nội dung, thời gian, địa điểm và thông báo cho các thành viên Hội đồng sáng kiến tỉnh biết về chương trình, nội dung các kỳ họp.

6. Tổng hợp các sáng kiến đủ điều kiện được Hội đồng họp xét thông qua, hoàn thiện Hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận sáng kiến.

7. Sau khi kết thúc mỗi phiên họp của Hội đồng sáng kiến tỉnh, cơ quan Thường trực của Hội đồng sáng kiến tỉnh có trách nhiệm thông báo kết quả từng phiên họp của Hội đồng. Đối với những trường hợp không đủ điều kiện công nhận sáng kiến thì cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do không được công nhận.

8. Đề xuất với UBND tỉnh cho phép áp dụng những sáng kiến và giải pháp có hiệu quả cao về kinh tế - xã hội vào sản xuất và đời sống.

9. Đề xuất các cơ chế chính sách, các biện pháp phù hợp để khuyến khích, động viên đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quần chúng lao động tham gia các hoạt động sáng tạo, góp phần làm lợi cho xã hội và phát huy năng lực của mỗi người.

10. Hàng năm có trách nhiệm lập dự toán chi cho các hoạt động của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh trong dự toán của ngành mình trình cấp có thẩm quyền xét duyệt.

Điều 11. Chế độ làm việc

1. Chế độ làm việc của Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh:

a) Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh họp xét duyệt hồ sơ công nhận sáng kiến định kỳ vào tháng 8 và tháng 03 của năm sau hoặc tùy thuộc vào điều kiện thực tế Chủ tịch Hội đồng sáng kiến quyết định thời gian họp để đảm bảo cho việc công nhận các danh hiệu thi đua hàng năm. Chủ tịch Hội đồng sáng kiến triệu tập và chủ trì các cuộc họp định kỳ, nếu Chủ tịch Hội đồng vắng mặt thì ủy quyền cho Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng chủ trì. Nội dung các cuộc họp do cơ quan Thường trực Hội đồng chuẩn bị; tài liệu họp được gửi tới các thành viên trước ngày họp ít nhất 14 ngày làm việc. Các cuộc họp đột xuất do Chủ tịch Hội đồng triệu tập căn cứ vào yêu cầu cụ thể của công việc.

b) Các thành viên Hội đồng không được vắng mặt trong các kỳ họp, trừ trường hợp đặc biệt mà vắng mặt thì phải được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng và phải gửi phiếu nhận xét đánh giá đến cơ quan thường trực của Hội đồng trước khi họp. Các kỳ họp của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên có mặt mới được coi là họp lệ.

c) Hội đồng sáng kiến làm việc theo chế độ tập thể, áp dụng nguyên tắc biểu quyết theo đa số. Sáng kiến được công nhận phải đạt từ 51% số biểu quyết thông qua.

2. Chế độ làm việc của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở:

a) Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở họp xét duyệt hồ sơ công nhận sáng kiến định kỳ vào tháng 11 hàng năm hoặc tùy thuộc vào điều kiện thực tế của ngành, đơn vị, địa phương quyết định để đảm bảo cho việc công nhận các danh hiệu thi đua hàng năm cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Chủ tịch Hội đồng sáng kiến triệu tập và chủ trì các cuộc họp định kỳ, nếu Chủ tịch Hội đồng vắng mặt thì ủy quyền cho Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng chủ trì. Nội dung các cuộc họp do cơ quan Thường trực Hội đồng chuẩn bị; tài liệu họp được gửi tới các thành viên trước ngày họp ít nhất là 07 ngày. Các cuộc họp đột xuất do Chủ tịch Hội đồng triệu tập căn cứ vào yêu cầu cụ thể của công việc.

b) Các Thành viên Hội đồng không được vắng mặt trong các kỳ họp, trừ trường hợp đặc biệt mà vắng mặt thì phải được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng và phải gửi phiếu nhận xét đánh giá đến cơ quan thường trực của Hội đồng trước khi họp. Các kỳ họp của Hội đồng phải có ít nhất 2/3 số thành viên có mặt mới được coi là họp lệ.

c) Hội đồng sáng kiến làm việc theo chế độ tập thể, áp dụng nguyên tắc biểu quyết

theo đa số. Sáng kiến được công nhận phải đạt từ 51% số biểu quyết thông qua.

Điều 12. Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến

Kinh phí hoạt động của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở, cấp tỉnh được thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương IV

THẨM QUYỀN, THỦ TỤC, TRÌNH TỰ XÉT, CÔNG NHẬN SÁNG KIẾN

Điều 13. Thẩm quyền công nhận sáng kiến

1. Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp cơ sở là: Thủ trưởng các cơ quan Đảng; Chủ tịch UBND huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, các tổ chức, doanh nghiệp nơi tiếp nhận đăng ký sáng kiến hoặc có sáng kiến áp dụng.

2. Thẩm quyền công nhận sáng kiến cấp tỉnh là Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 14. Hồ sơ công nhận sáng kiến

1. Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến áp dụng theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 01/8/2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ.

2. Nội dung đơn yêu cầu công nhận sáng kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN.

3. Hồ sơ công nhận sáng kiến, gồm:

a) Đơn yêu cầu công nhận sáng kiến;

b) Báo cáo tóm tắt hiệu quả sáng kiến của tác giả;

c) Trường hợp yêu cầu công nhận sáng kiến cấp tỉnh mà các tác giả sáng kiến đang công tác tại các cơ quan Đảng, cơ quan hành chính nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, Mặt trận Tổ quốc và Đoàn thể; các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thì ngoài đơn yêu cầu công nhận sáng kiến cấp tỉnh cần có thêm các tài liệu sau:

- Quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở của cơ quan, đơn vị đề nghị;

- Tờ trình của cơ quan, đơn vị đề nghị Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh xét, công nhận cho các cá nhân của đơn vị.

d) Trường hợp các tác giả sáng kiến không thuộc quy định tại điểm c khoản 3 Điều này. Hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, điểm a, điểm b khoản 3 Điều 14 của Quy định này và trong báo cáo tóm tắt hiệu quả sáng kiến phải có xác nhận của cấp chính quyền địa phương.

4. Hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến lập thành 02 bộ gửi về cơ quan thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh (đối với sáng kiến cấp tỉnh) và 01 bộ gửi về Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở (đối với sáng kiến cấp cơ sở).

Điều 15. Thời gian tiếp nhận hồ sơ yêu cầu công nhận sáng kiến

1. Cấp cơ sở: Do cơ sở quyết định để đảm bảo cho việc công nhận các danh hiệu thi đua hằng năm cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.
2. Cấp tỉnh: Thời gian tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến 2 đợt:
 - Đợt 1 từ ngày 01/6 đến ngày 15/7 hằng năm;
 - Đợt 2 từ ngày 01/12 hằng năm đến ngày 15/01 năm sau.
3. Thời gian xét công nhận sáng kiến cấp tỉnh: Chậm nhất sau 90 ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận đơn theo mỗi đợt.

Điều 16. Trình tự tiếp nhận, xem xét đơn và xét công nhận sáng kiến cấp cơ sở và cấp tỉnh

1. Tiếp nhận, xem xét hồ sơ công nhận sáng kiến:
 - a) Cơ quan Thường trực Hội đồng sáng kiến tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của đơn yêu cầu công nhận sáng kiến, trường hợp hồ sơ không đầy đủ, không phù hợp theo quy định thì thông báo bằng văn bản cho tác giả sáng kiến biết, trong đó nêu rõ lý do và ấn định thời hạn 01 tháng để tác giả sửa chữa, bổ sung gửi lại;
 - b) Vào sổ tiếp nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến và cấp Giấy biên nhận đơn yêu cầu công nhận sáng kiến theo mẫu quy định tại Phụ lục II Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN.
2. Trình tự xét công nhận sáng kiến:
 - a) Tổ thẩm định tổng hợp, phân loại, rà soát, thẩm định sơ bộ và tóm tắt nội dung sáng kiến thông qua Thường trực Hội đồng.
 - b) Cơ quan Thường trực Hội đồng sáng kiến sao gửi hồ sơ sáng kiến kèm theo công văn xin ý kiến gửi cho các thành viên Hội đồng sáng kiến và các chuyên gia phản biện (nếu có) nghiên cứu trước khi họp Hội đồng 14 ngày làm việc.
 - c) Họp xét, đánh giá sáng kiến:
 - Thường trực Hội đồng báo cáo tóm tắt nội dung, hiệu quả và phạm vi ảnh hưởng của từng sáng kiến;
 - Các thành viên Hội đồng hoặc chuyên gia phản biện (nếu có) nhận xét đánh giá, phản biện;
 - Chủ tịch Hội đồng sáng kiến tóm tắt, kết luận nhận xét, đánh giá sáng kiến;
 - Đối với những sáng kiến yêu cầu có phản biện thì phải dựa trên kết quả phản biện, đánh giá của các chuyên gia phản biện để nhận xét, đánh giá, biểu quyết;
 - Hội đồng tiến hành biểu quyết và Chủ tịch Hội đồng kết luận thông qua sáng kiến đủ điều kiện công nhận.
 - d) Thư ký Hội đồng lập và thông qua biên bản họp xét sáng kiến.

Điều 17. Công nhận sáng kiến

1. Công nhận sáng kiến cấp cơ sở:

a) Căn cứ kết quả xét công nhận sáng kiến, thường trực Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở hoàn tất thủ tục trình Thủ trưởng đơn vị ra quyết định công nhận sáng kiến.

b) Sáng kiến cấp cơ sở được công nhận hàng năm.

2. Công nhận sáng kiến cấp tỉnh:

a) Căn cứ kết quả xét công nhận sáng kiến của Hội đồng, Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh hoàn tất thủ tục trình Chủ tịch UBND tỉnh ra quyết định công nhận và cấp giấy chứng nhận sáng kiến.

b) Giấy chứng nhận sáng kiến cấp tỉnh được cấp cho cá nhân có sáng kiến. Đối với sáng kiến của một tập thể tác giả (đồng tác giả) thì giấy chứng nhận sáng kiến được cấp có ghi tên từng người.

c) Sáng kiến cấp tỉnh được công nhận hàng năm.

d) Sáng kiến cấp tỉnh được bảo lưu trong 03 năm kể từ năm được công nhận sáng kiến.

3. Xét chấp thuận việc công nhận sáng kiến do Nhà nước đầu tư: Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN.

4. Mẫu giấy chứng nhận đề công nhận sáng kiến cấp cơ sở, cấp tỉnh thực hiện theo Phụ lục III Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN.

Chương V**QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ TẠO RA SÁNG KIẾN,
TÁC GIẢ SÁNG KIẾN VÀ NGƯỜI THAM GIA TỔ CHỨC ÁP DỤNG
SÁNG KIẾN LẦN ĐẦU**

Điều 18. Quyền của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến; tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

1. Đối với sáng kiến đã được công nhận, chủ đầu tư tạo ra sáng kiến có các quyền sau đây:

a) Áp dụng sáng kiến.

b) Chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác áp dụng theo quy định của pháp luật.

2. Đối với sáng kiến đã được công nhận, tác giả sáng kiến có các quyền sau đây:

a) Được ghi nhận là tác giả sáng kiến trong Giấy chứng nhận sáng kiến và được nêu danh tác giả sáng kiến khi sáng kiến được phổ biến, giới thiệu;

b) Nhận thù lao theo quy định tại Điều 19 của quy định này;

c) Hưởng các chế độ khuyến khích khác theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng và pháp luật về khoa học và công nghệ;

d) Áp dụng và chuyển giao sáng kiến cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp sáng kiến là đối tượng thuộc quyền sở hữu trí tuệ của chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và trường hợp giữa tác giả sáng kiến và chủ đầu tư tạo ra sáng kiến có thỏa thuận khác;

đ) Các quyền quy định tại khoản 1 Điều này, trong trường hợp tác giả sáng kiến đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

3. Đối với sáng kiến đã được công nhận, người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu có quyền nhận thù lao theo quy định tại Điều 19 của quy định này.

4. Việc áp dụng, chuyển giao sáng kiến quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không được xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đang được bảo hộ, các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác và không được trái với quy định của pháp luật.

Điều 19. Nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

1. Việc trả thù lao cho tác giả sáng kiến, cho người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu thực hiện như sau:

a) Đối với các sáng kiến trong công tác Đảng, quản lý hành chính nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể được công nhận ở cấp cơ sở và cấp tỉnh thì không áp dụng việc trả thù lao cho tác giả sáng kiến mà chỉ sử dụng để làm cơ sở xét, công nhận các danh hiệu thi đua hàng năm cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

b) Đối với các sáng kiến trong các tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp có thu và hạch toán độc lập thì các tổ chức này có trách nhiệm chi trả thù lao cho tác giả sáng kiến và thù lao chi trả thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Thù lao trả cho những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu được thực hiện cùng lúc với mỗi lần trả thù lao cho tác giả sáng kiến và do các bên tự thỏa thuận.

3. Việc trả thù lao quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được trả chung cho tất cả các đồng tác giả, thù lao quy định tại khoản 2 Điều này được trả chung cho tất cả những người tham gia áp dụng sáng kiến lần đầu và những người này tự thỏa thuận việc phân chia.

Điều 20. Xác định giá trị làm lợi do áp dụng sáng kiến

1. Giá trị làm lợi ích do áp dụng sáng kiến là tổng số tiền tiết kiệm được từ tất cả các nguồn lực (ví dụ: nhân lực, thời gian, chi phí, công đoạn, quy trình làm việc, tiền vốn, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, năng lượng, khấu hao tài sản cố định) trực tiếp đạt được từ việc áp dụng sáng kiến, sau khi đã trừ các chi phí phát sinh do việc áp dụng sáng kiến.

2. Lợi ích trực tiếp được xác định trên cơ sở so sánh thực trạng kinh tế, kỹ thuật trước và sau khi áp dụng sáng kiến.

3. Tiền làm lợi gián tiếp từ việc áp dụng sáng kiến, bao gồm khoản tiết kiệm được từ những khoản không phải là chi phí trực tiếp cho quá trình áp dụng sáng kiến

hoặc tiền làm lợi thu được từ việc tiếp tục sử dụng các nguồn lực (ví dụ: nhân lực, tiền vốn, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu) đã tiết kiệm được do áp dụng sáng kiến, đều không được tính khi xác định tiền làm lợi.

Điều 21. Nghĩa vụ của tác giả sáng kiến và người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu

1. Tác giả sáng kiến có các nghĩa vụ sau đây:

a) Cung cấp đầy đủ các thông tin về sáng kiến đến mức có thể áp dụng được cho cơ sở công nhận sáng kiến.

b) Tham gia triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu.

c) Giữ bí mật thông tin về sáng kiến theo thỏa thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và theo quy định của pháp luật.

d) Trả thù lao cho những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu theo quy định tại Điều 19 Quy định này, trong trường hợp tác giả đồng thời là chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

2. Người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu có các nghĩa vụ sau đây:

a) Cung cấp các thông tin chi tiết về việc áp dụng sáng kiến cho tổ chức xét công nhận sáng kiến.

b) Giữ bí mật thông tin theo thỏa thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến và theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Quyền và nghĩa vụ liên quan đến sáng kiến được bảo hộ sở hữu trí tuệ

Trong trường hợp sáng kiến đã được công nhận nhưng sau đó lại được bảo hộ sở hữu trí tuệ thì áp dụng các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ từ thời điểm quyền sở hữu trí tuệ được xác lập hoặc phát sinh.

Chương VI

CÁC BIỆN PHÁP THỨC ĐẨY HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN, THÔNG TIN, ÁP DỤNG SÁNG KIẾN, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 23. Phổ biến sáng kiến

1. Các cơ quan Đảng, sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm thực hiện các biện pháp sau đây để phổ biến sáng kiến thuộc lĩnh vực quản lý của mình:

a) Tổ chức dịch vụ môi giới chuyên giao sáng kiến và các hình thức giao dịch về sáng kiến (hội chợ, triển lãm...) hỗ trợ việc chuyển giao sáng kiến được tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật hoặc sáng kiến của cá nhân, tổ chức không có đủ năng lực để áp dụng.

b) Hỗ trợ việc triển khai áp dụng sáng kiến lần đầu, thỏa thuận và phối hợp với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến để công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi đối với những

sáng kiến có khả năng áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích to lớn cho xã hội.

c) Công bố, phổ biến, áp dụng rộng rãi các sáng kiến là giải pháp quản lý và giải pháp tác nghiệp trong lĩnh vực quản lý hành chính, sự nghiệp của Nhà nước và các sáng kiến tạo ra do Nhà nước đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất - kỹ thuật.

2. Cơ quan, tổ chức trực tiếp cung cấp dịch vụ môi giới được thu phí môi giới theo mức thỏa thuận với chủ đầu tư tạo ra sáng kiến.

Điều 24. Khuyến khích phong trào thi đua lao động sáng tạo

1. Các cơ quan Đảng, sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức, doanh nghiệp phối hợp với các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên và Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tổ chức thực hiện các biện pháp sau đây nhằm khuyến khích quần chúng tham gia các phong trào thi đua sáng tạo:

a) Tổ chức các hội thi sáng tạo, triển lãm kết quả lao động sáng tạo, tuần lễ sáng kiến cấp tỉnh, tổng kết và khen thưởng hoạt động sáng kiến hàng năm và các hoạt động khác để tôn vinh tổ chức, cá nhân điển hình và biểu dương các sáng kiến có thể áp dụng rộng rãi và mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội.

b) Tổ chức các diễn đàn cho hoạt động sáng kiến, như trang tin điện tử, câu lạc bộ sáng tạo; phổ biến, tuyên truyền về các tổ chức, cá nhân điển hình trong phong trào thi đua sáng tạo.

2. Cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có thể áp dụng các biện pháp sau đây để khuyến khích tác giả sáng kiến:

a) Ưu tiên xem xét, cấp kinh phí và tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu phát triển và hoàn thiện, áp dụng sáng kiến.

b) Ưu tiên xem xét nâng lương, nâng bậc thợ, đào tạo nâng cao trình độ và hưởng các chế độ phúc lợi khác.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh và Tỉnh Đoàn Lào Cai tổ chức tổng kết, khen thưởng hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

4. UBND các huyện, thành phố, các ngành chuyên môn thuộc UBND tỉnh tổ chức tổng kết hoạt động sáng kiến thuộc phạm vi quản lý của ngành, đơn vị mình.

Điều 25. Chi phí cho hoạt động sáng kiến và các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến

1. Chi phí cho hoạt động sáng kiến trong đó có chi phí để tạo ra và áp dụng sáng kiến, trả thù lao, trả thưởng cho tác giả sáng kiến và những người tham gia tổ chức áp dụng sáng kiến lần đầu được thực hiện như sau:

a) Các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động thường xuyên được hỗ trợ một phần từ nguồn ngân sách nhà nước trong dự toán chi ngân sách hàng năm của đơn vị trên cơ sở khả năng thu của đơn vị.

b) Các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm 100% kinh phí hoạt động thường xuyên chi từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

c) Các đơn vị sự nghiệp được Nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động thường xuyên và các đơn vị, cơ quan khác của Nhà nước (không phải đơn vị sự nghiệp) chi trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm.

2. Chi phí cho hoạt động sáng kiến đối với các doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

3. Kinh phí thực hiện các hoạt động nêu tại khoản 1 Điều 24 Quy định này được thực hiện theo quy định hiện hành và các nguồn tài trợ khác.

Điều 26. Thông tin, áp dụng sáng kiến

1. Đối với những sáng kiến có khả năng áp dụng trên địa bàn tỉnh Lào Cai thì tác giả sáng kiến và Thủ trưởng đơn vị có sáng kiến có trách nhiệm cung cấp nội dung và lợi ích của sáng kiến cho các đơn vị khác trong tỉnh áp dụng sáng kiến đó theo quy định hiện hành.

2. Thủ trưởng các cơ quan Đảng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, các tổ chức, doanh nghiệp sau khi có Quyết định công nhận sáng kiến, có trách nhiệm thông tin và phổ biến, áp dụng sáng kiến trong cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 27. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Căn cứ vào Luật Thi đua, Khen thưởng và các quy định hiện hành về công tác thi đua, khen thưởng Thủ trưởng các cơ quan Đảng; Chủ tịch UBND huyện, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, các tổ chức, doanh nghiệp tổ chức khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng cho các tác giả sáng kiến.

2. Các cá nhân, tổ chức, cơ quan, đơn vị có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật liên quan đến sáng kiến và Quy định này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VII

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN

Điều 28. Trách nhiệm quản lý nhà nước về sáng kiến

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai thống nhất Quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tham mưu giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh và có trách nhiệm sau đây:

a) Tham mưu, trình cấp có thẩm quyền ban hành các quy định, chính sách, kế hoạch phát triển hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật và kiến thức cơ bản về nội dung hoạt động sáng kiến cho các cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo nghiệp vụ và tổ chức bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về hoạt động sáng kiến cho các cán bộ theo dõi, quản lý hoạt động sáng kiến thuộc các ngành, địa phương và cơ sở. Thực hiện các biện pháp nhằm tăng cường hiệu quả hoạt động sáng kiến của địa phương.

c) Hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tiến hành đăng ký, triển khai, áp dụng, chuyển giao và bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với các sáng kiến có khả năng được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp tại Việt Nam và nước ngoài.

d) Thực hiện các biện pháp thúc đẩy phong trào quần chúng thi đua sáng tạo và phát huy sáng kiến; phổ biến, nhân rộng việc áp dụng các sáng kiến được tạo ra.

đ) Tổ chức thanh tra, kiểm tra, việc thực hiện chính sách, chấp hành pháp luật về sáng kiến tại các tổ chức, cơ sở thuộc phạm vi quản lý của mình và xử lý các hành vi xâm phạm pháp luật về hoạt động sáng kiến theo quy định hiện hành; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Nhà nước, của tổ chức và cá nhân trong hoạt động sáng kiến.

e) Định kỳ hàng năm tổ chức sơ kết, tổng kết hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh. Tổng hợp hoạt động sáng kiến của các cấp, các ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, tổ chức, doanh nghiệp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Khoa học và Công nghệ theo mẫu tại Phụ lục V Thông tư số 18/2013/TT-BKH-CN.

Điều 29. Quản lý hoạt động sáng kiến trong các cơ quan, tổ chức nhà nước và doanh nghiệp

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức của Nhà nước, tùy theo tình hình thực tế, có trách nhiệm thành lập bộ phận chuyên trách về sáng kiến, Hội đồng sáng kiến hoặc chỉ định bộ phận bán chuyên trách (phụ trách kỹ thuật, kế hoạch, kinh doanh, Hội đồng thi đua khen thưởng...) thực hiện chức năng quản lý hoạt động sáng kiến trong phạm vi cơ quan, tổ chức mình.

2. Có nhiệm vụ xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn, quản lý hoạt động sáng kiến ở cấp cơ sở phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị mình.

3. Tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký, áp dụng và công nhận sáng kiến theo quy định tại Quy định này.

4. Thực hiện các biện pháp khuyến khích tác giả sáng kiến, người đăng ký áp dụng sáng kiến và đẩy mạnh phong trào thi đua sáng tạo trong cơ quan, tổ chức mình. Bảo vệ quyền lợi hợp pháp của của tổ chức và cá nhân trong hoạt động sáng kiến theo quy định của Nhà nước.

5. Tổ chức thi hành các quy phạm pháp luật và các chính sách về sáng kiến.

Điều 30. Trách nhiệm của các sở, ngành, đoàn thể và doanh nghiệp

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình các sở, ban, ngành, đoàn thể, doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo và quản lý hoạt động sáng kiến.

2. Kiến nghị với Sở Khoa học và Công nghệ các biện pháp cụ thể để triển khai việc thi hành các chính sách của Nhà nước về hoạt động sáng kiến và tổ chức thực hiện các biện pháp đó; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển hoạt động sáng kiến.

3. Phổ biến các sáng kiến đã được cấp có thẩm quyền công nhận nhằm khuyến khích phong trào lao động, phát huy sáng kiến của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong ngành, đơn vị.

4. Tuyên truyền phổ biến pháp luật, chính sách của nhà nước và của tỉnh về hoạt động sáng kiến.

5. Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ 6 tháng, hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ về tình hình hoạt động sáng kiến theo mẫu tại phụ lục IV Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN.

Điều 31. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong phạm vi quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong quản lý các hoạt động sáng kiến thuộc phạm vi quản lý:

1. Tổ chức quản lý các hoạt động sáng kiến trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật.

2. Xây dựng kế hoạch và triển khai đào tạo, tập huấn về các văn bản quy phạm pháp luật về sáng kiến cho tổ chức, cá nhân trong việc tiếp cận, tìm hiểu, chấp hành các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động sáng kiến.

3. Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ 6 tháng, hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ về tình hình hoạt động sáng kiến theo mẫu tại Phụ lục IV Thông tư số 18/2013/TT-BKHHCN.

4. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc thanh tra, kiểm tra về hoạt động sáng kiến trên địa bàn quản lý.

Điều 32. Nội dung cơ chế phối hợp hoạt động

Theo yêu cầu và nhiệm vụ cụ thể các cơ quan Đảng, sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm phối hợp trong quản lý nhà nước về hoạt động sáng kiến cụ thể:

1. Phân công cán bộ lãnh đạo phụ trách và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về sáng kiến, đồng thời làm đầu mối phối hợp công tác với các đơn vị có liên quan.

2. Tham dự các phiên họp về sáng kiến do Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ triệu tập và chuẩn bị các tài liệu cần thiết theo yêu cầu.

3. Cử cán bộ, chuyên viên của đơn vị mình tham gia giải quyết các công việc chung khi có yêu cầu.

4. Các cơ quan có thể yêu cầu Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức đào tạo, tập huấn, tuyên truyền cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nhằm nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, tạo ra nhiều sáng kiến có khả năng áp dụng và mang lại hiệu quả thiết thực.

5. Xây dựng kế hoạch, xác định mục tiêu và nhiệm vụ hoạt động sáng kiến hàng năm để động viên khuyến khích cán bộ, công chức nghiên cứu đề xuất các sáng kiến đảm bảo các điều kiện công nhận sáng kiến theo quy định và phù hợp với mục tiêu kế hoạch của tỉnh.

6. Thực hiện thống nhất, đồng bộ các biện pháp tuyên truyền các chính sách về sáng kiến và đẩy mạnh phong trào thi đua sáng tạo có chất lượng và hiệu quả.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng xét công nhận sáng kiến các cấp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Thủ trưởng các cấp, các ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện Quy định này và tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, thuộc phạm vi đơn vị, doanh nghiệp quản lý, phát huy tính chủ động sáng tạo, có nhiều sáng kiến mới đạt hiệu quả cao, được công nhận sáng kiến ở các cấp.

3. Cơ quan thường trực Hội đồng xét, công nhận sáng kiến các cấp chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy định này.

Điều 34. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, hoặc có vấn đề phát sinh, đề nghị cơ quan, đơn vị phản ánh tới cơ quan Thường trực Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Doãn Văn Hưởng